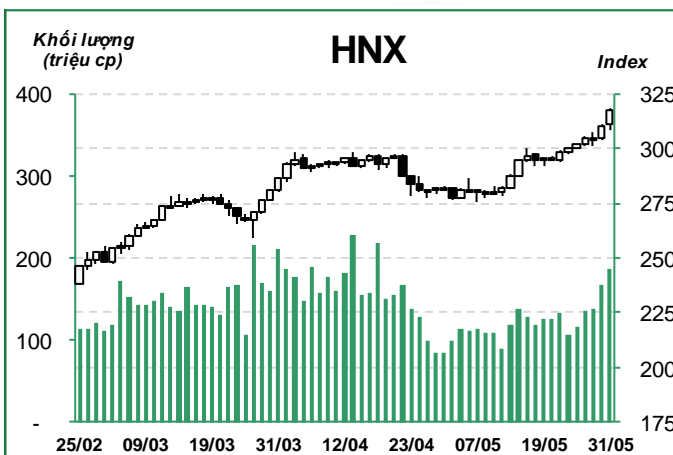
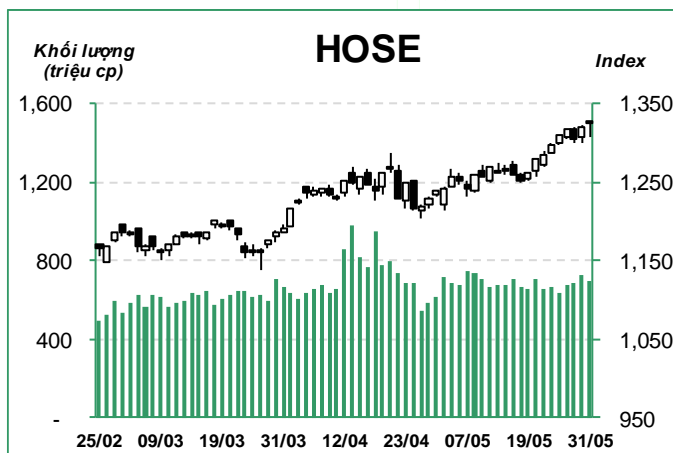


## Tổng quan thị trường

31/05/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,328.05</b>	<b>0.57%</b>	<b>1,474.78</b>	<b>1.10%</b>	<b>317.85</b>	<b>2.38%</b>
Cuối tuần trước	1,320.46	0.57%	1,458.78	1.10%	310.46	2.38%
Trung bình 20 ngày	1,280.37	3.72%	1,399.72	5.36%	295.49	7.57%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>737.17</b>	<b>-4.12%</b>	<b>302.75</b>	<b>0.08%</b>	<b>188.56</b>	<b>10.01%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>700.32</b>	<b>-3.04%</b>	<b>293.02</b>	<b>-2.38%</b>	<b>186.26</b>	<b>10.64%</b>
Trung bình 20 ngày	687.22	1.91%	264.63	10.73%	127.43	46.16%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>25,458.29</b>	<b>2.66%</b>	<b>15,189.71</b>	<b>3.83%</b>	<b>4,415.83</b>	<b>9.10%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>23,853.03</b>	<b>1.66%</b>	<b>14,552.92</b>	<b>0.32%</b>	<b>4,360.74</b>	<b>9.41%</b>
Trung bình 20 ngày	21,004.68	13.56%	12,523.43	16.21%	2,780.32	56.84%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	158	34%	14	47%	102	28%
<b>Số mã giảm</b>	261	57%	16	53%	125	34%
<b>Số mã đứng giá</b>	41	9%	0	0%	141	38%



Thị trường tiếp tục tăng điểm lập đỉnh trong phiên giao dịch đầu tuần. Đã có thời điểm thị trường giảm sâu trong phiên sáng khi nhà đầu tư lo ngại về thông tin phòng tỏa thành phố Hồ Chí Minh vì diễn biến phức tạp của dịch bệnh. Tuy nhiên, dòng tiền sau đó vẫn đủ mạnh để kéo thị trường đảo chiều tăng điểm trở lại.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đóng cửa cao nhất phiên tại mức 1,328.05 điểm (+0.57%). KLGD khớp lệnh đạt 700.3 triệu cổ phiếu (-3.0%), tương đương 23,853 tỷ đồng giá trị (+1.7%). Tuy nhiên, độ rộng thị trường lại nghiêng về bên bán với 261 mã giảm/158 mã tăng.

Tâm điểm của thị trường trong phiên hôm nay là Hòa Phát-HPG (+6.8%) khi cổ phiếu này nhuộm sắc tím ngay từ đầu phiên và sau đó chốt phiên với lượng khớp lệnh cao kỷ lục để dẫn đầu đà tăng của VN-Index. Trong khi đó, nhiều nhóm ngành trụ cột cũng tăng điểm đồng thuận nổi bật nhất là ngân hàng, chứng khoán, dầu khí, thép. Ở chiều ngược lại, đà lao dốc của bộ ba họ nhà Vin là Vingroup-VIC (-1.9%), Vinhomes-VHM (-1.9%), Vincom Retail-VRE (-3.8%) cùng một vài trụ cột riêng lẻ khác như Sabeco-SAB (-3.7%), Thẻ giới di động-MWG (-2.9%) vẫn được duy trì và cũng phần nào gây áp lực cho chỉ số.

Khối ngoại có động thái xả mạnh trở lại 1,690.2 tỷ đồng trên sàn HoSE. Trong đó, Hòa Phát-HPG vẫn là cổ phiếu bị bán ròng mạnh nhất trong phiên hôm nay với 707.9 tỷ đồng. Tiếp đến là MBBank-MBB (-402.4 tỷ), Vietcombank-VCB (-105.0 tỷ) cũng là những cổ phiếu bị bán mạnh bởi khối ngoại. Trong khi đó, khối ngoại mua ròng các cổ phiếu như Petrolimex-PLX (+133.2 tỷ), Novaland-NVL (+42.0 tỷ) và Đất Xanh-DXG (+32.1 tỷ).

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index đóng cửa tăng lên mức 317.85 điểm (+2.38%). Thanh khoản cũng thiết lập kỷ lục mới

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
GEX	9,356.9	245.15
FPT	1,184.1	119.38
PNJ	950.0	96.06
FUEVFVND	3,755.0	91.73
TPB	2,500.0	84.00
SJS	1,272.0	63.09
NLG	1,520.0	60.32
PLX	1,000.0	55.65
HPX	1,498.5	54.86
MWG	327.5	49.98
<b>HNX</b>		
VFG	340.0	20.80
IDC	300.0	10.11
VC3	485.0	9.29
VMC	688.0	6.56
TIG	280.0	4.14
VCS	34.5	3.00
SHN	130.0	0.86
NBC	48.0	0.31

với 4,360.7 tỷ đồng giá trị khớp lệnh (+9.4%), tương đương với 186.3 triệu cổ phiếu (+10.6%).

Vượt qua ngân hàng, chứng khoán chính là nhóm ngành đóng góp nhiều nhất cho đà tăng của HNX-Index hôm nay với nhiều cổ phiếu có mức tăng điểm khá ấn tượng như Chứng khoán VNDIRECT-VND (+8.0%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+8.6%), Chứng khoán MB-MBS (+9.7%), Chứng khoán BIDV-BSI (+9.9%). Theo sau là nhóm ngân hàng với Ngân hàng Bắc Á-BAB (+6.7%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+8.4%) và nhóm dầu khí với Dầu khí PTSC-PVS (+9.8%) và Dung dịch Khoan Dầu khí-PVC (+9.4%). Ở chiều ngược lại, HTINVEST-HTP (-7.5%), Vicostone-VCS (-0.7%), Bến xe ĐLGL-DL1 (-6.0%) có ảnh hưởng giảm điểm đến chỉ số.

Khối ngoại cũng đảo chiều bán ròng trở lại trên sàn HNX, đạt giá trị 28.1 tỷ đồng. Dẫn đầu danh sách bán ròng là Dầu khí PTSC-PVS (-10.6 tỷ). Trong khi Vicostone-VCS, CK Châu Á - TBD-APS cũng bị bán ròng lần lượt 8.8 tỷ và 4.6 tỷ. Ở chiều ngược lại, Chứng khoán Bảo Việt-BVS (+2.4 tỷ), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+1.5 tỷ), Chứng khoán Artex-ART (+0.7 tỷ) là những cổ phiếu được mua ròng mạnh.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền đang khá mạnh. Không những vậy, xu hướng tăng đang tiếp diễn, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với chòm MA 5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực cho tín hiệu xác nhận xu hướng tăng hiện tại. Bên cạnh đó, bộ chỉ báo của chúng tôi tương đối đồng thuận và cho tín hiệu củng cố xu hướng hiện tại, với MACD và RSI đang hướng lên, chỉ số có thể tiếp tục tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự 1,360 điểm (Fib 127.2, đây là Fib thoát lui hình thành từ đỉnh 2018 và đáy 2020). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng tăng đang tiếp diễn. Chỉ số có thể hướng lên vùng kháng cự quanh 330 điểm (Fib 38.2, đây là mức Fib đo được từ việc chia sóng 5 của chỉ số, tính từ tháng 7/2020 là đầu sóng 1). Nhìn chung, thị trường nằm trong xu hướng tăng mạnh mẽ. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư tận dụng các nhịp rung lắc để gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và được dòng tiền mạnh hướng tới.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DTL	35.3	29.3	7.0%
LPB	30.0	24,262.2	7.0%
BMI	36.1	1,247.0	7.0%
APG	9.7	2,489.0	7.0%
VIX	28.8	8,932.5	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TTE	9.7	0.4	-6.9%
CMV	15.1	0.1	-6.8%
FUCTVGF2	13.1	0.5	-6.8%
DTA	9.0	90.9	-6.7%
LEC	12.0	2.1	-6.6%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	52.7	3,206.9	6.8%
VPB	69.2	2,282.3	0.9%
STB	33.8	1,382.4	6.1%
MBB	38.0	1,178.0	0.8%
CTG	53.1	917.4	3.7%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HPG	52.7	61,128.6	6.8%
STB	33.8	42,228.8	6.1%
VPB	69.2	33,519.5	0.9%
MBB	38.0	31,204.9	0.8%
LPB	30.0	24,262.2	7.0%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BVS	28.6	1,673.1	10.0%
CAN	38.5	10.4	10.0%
EVS	23.2	706.8	10.0%
MAS	38.7	6.2	9.9%
BSI	20.0	2,167.2	9.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
L61	9.0	0.6	-10.0%
LBE	23.4	1.8	-10.0%
BED	26.1	1.3	-10.0%
VNC	30.1	0.2	-9.9%
LDP	12.0	59.5	-9.8%

#### Top 5 giá trị

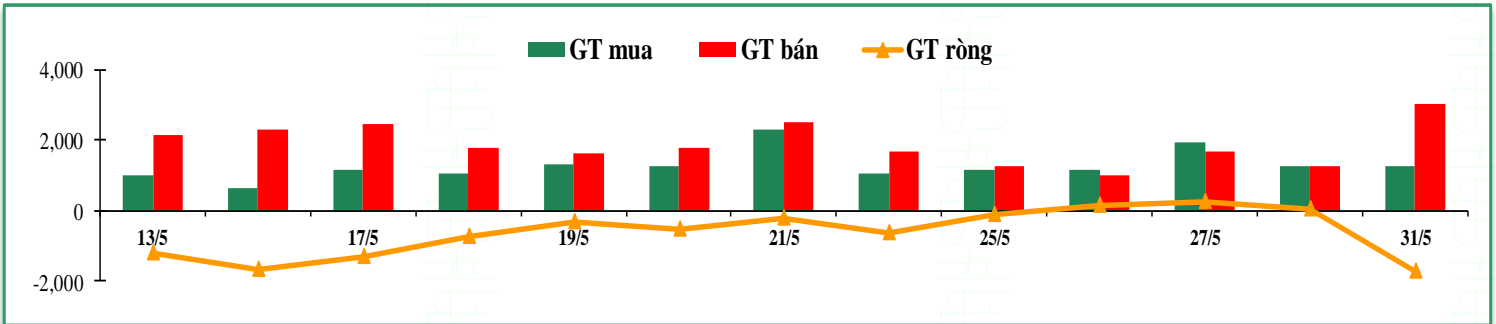
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	30.4	1,243.1	0.7%
PVS	25.8	634.8	9.8%
SHS	38.0	436.2	8.6%
THD	199.2	402.5	0.5%
VND	49.7	229.2	8.0%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	30.4	40,919.7	0.7%
PVS	25.8	25,886.1	9.8%
ART	10.6	13,116.0	9.3%
SHS	38.0	11,942.4	8.6%
CEO	10.1	7,646.4	6.3%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,270.4	5.0%	2,960.7	11.6%	-1,690.2
HNX	13.7	0.3%	41.9	0.9%	-28.1
<b>Tổng số</b>	<b>1,284.2</b>		<b>3,002.5</b>		<b>-1,718.4</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	54.6	135.1	-0.4%
NVL	134.6	117.9	-0.2%
PNJ	100.9	98.6	-0.1%
FPT	97.9	85.9	3.3%
HDB	33.8	79.3	2.9%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	52.7	744.6	6.8%
MBB	38.0	438.2	0.8%
VCB	98.6	134.8	-1.0%
VHM	102.6	120.9	-1.9%
HDB	33.8	120.4	2.9%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	54.6	133.2	-0.4%
NVL	134.6	42.0	-0.2%
DXG	28.0	32.1	3.3%
KDH	39.5	26.6	1.2%
NKG	33.0	17.2	3.9%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	25.8	2.6	9.8%
BVS	28.6	2.4	10.0%
SHB	30.4	1.6	0.7%
VND	49.7	0.9	8.0%
ART	10.6	0.7	9.3%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	25.8	13.3	9.8%
VCS	96.0	8.8	-0.7%
VND	49.7	4.9	8.0%
APS	13.4	4.7	9.8%
IVS	11.8	2.9	9.3%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
BVS	28.6	2.4	10.0%
SHB	30.4	1.5	0.7%
ART	10.6	0.7	9.3%
NSC	79.5	0.6	-0.6%
NBC	7.2	0.5	0.0%

## Tin trong nước

### Hàng nông, lâm thủy sản xuất siêu khoảng 3,27 tỷ USD

Theo Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, 5 tháng đầu năm, xuất khẩu hàng nông, lâm thủy sản ước 22,83 tỷ USD, tăng 30,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhập khẩu ước khoảng 19,57 tỷ USD, tăng 51%. Giá trị xuất siêu nông, lâm thủy sản đạt khoảng 3,27 tỷ USD, giảm 28,3% so với cùng kỳ 2020.

Riêng tháng 5, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản ước đạt 5,01 tỷ USD, tăng hơn 40% so với cùng kỳ năm 2020 và tăng 1,3% so với tháng 4. Cao su, gạo, tôm là những sản phẩm có giá trị xuất khẩu tăng trong 5 tháng đầu năm.

Về thị trường xuất khẩu, ước giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản 5 tháng của Việt Nam tới các thị trường thuộc khu vực châu Á chiếm 46,5% thị phần, châu Mỹ 27%. Trong số đó, có 4 thị trường xuất khẩu chính là Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc đều có sự tăng trưởng khá trong xuất khẩu.

Về nhập khẩu, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết trong 5 tháng, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng nông, lâm thủy sản ước khoảng 19,57 tỷ USD, tăng 51% so với cùng kỳ năm ngoái.

### MB nâng 'room' ngoại lên 30%

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thông báo nâng giới hạn sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài với cổ phiếu MBB của MB (HoSE: MBB) từ 29,937% lên tối đa 30%. Điều chỉnh này có hiệu lực từ ngày 27/5.

Trong quý I, ngân hàng lãi trước thuế gấp đôi cùng kỳ, đạt gần 4.580 tỷ đồng. Tổng tài sản đến cuối tháng 3 ở mức 510.957 tỷ đồng, tăng 3% so với cuối năm trước. Cho vay khách hàng tăng 8,6% lên 324.007 tỷ đồng. Nợ xấu hơn 4.183 tỷ đồng, cao hơn 28% so với cuối năm trước, riêng nợ nhóm 3 nhân đôi lên 1.857 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu tăng từ 1,08% lên 1,3%. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng 5.329 tỷ đồng, tăng 22%. Tuy nhiên, tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm từ 134% xuống 127%.

Nguồn: NDH

## Tin doanh nghiệp niêm yết

## **Masan Group sắp tạm ứng cổ tức 10%**

HDQT Masan Group (HoSE: MSN) vừa phê duyệt phương án tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 10%. Với hơn 1,17 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi trong đợt này là 1.175 tỷ đồng.

Trong năm 2021, tập đoàn tư nhân này đặt mục tiêu doanh thu thuần hợp nhất từ 92.000 - 102.000 tỷ đồng và lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty từ 2.500 - 4.000 tỷ đồng. Năm 2020, tập đoàn có doanh thu thuần 77.218 tỷ đồng và lãi ròng giảm 78% về 1.234 tỷ đồng.

Dù có lãi trong năm qua nhưng cổ đông Masan Group thông qua phương án không chia cổ tức cho năm 2020.

## **Hòa Phát mua mỏ 320 triệu tấn tại Australia, muốn tự chủ 50% nguyên liệu quặng đầu vào**

Theo thông tin từ Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG), ngày 28/5, Ủy ban Đầu tư Nước ngoài Liên bang Úc (FIRB) đã chấp thuận phê duyệt hợp đồng mua 100% cổ phần Dự án mỏ quặng sắt Roper Valley của công ty con tại Australia thuộc Tập đoàn Hòa Phát.

Sau khi giao dịch hoàn tất, Hòa Phát trở thành chủ sở hữu dự án quặng sắt Roper Valley với trữ lượng dự đoán 320 triệu tấn và công suất khai thác 4 triệu tấn/năm.

Tập đoàn Hòa Phát cho biết vẫn tiếp tục nghiên cứu để đầu tư mua tiếp một số mỏ sắt mới tại Úc, nhằm đảm bảo về lâu dài nguồn cung ít nhất 50% nhu cầu quặng sắt của tập đoàn (tương đương 10 triệu tấn/năm).

## **VietinBank chuẩn bị chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 29%, tăng mạnh vốn điều lệ lên hơn 48.000 tỷ đồng**

Ngày 31/5/2021, Hội đồng Quản trị (HDQT) Ngân hàng TMCP Công Thương (VietinBank - CTG) đã ban hành Nghị quyết về việc phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. VietinBank dự kiến phát hành 1.082.375.087 cổ phiếu, tương đương với 29,0695% số cổ phần đang lưu hành để trả cổ tức. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý III – IV/2021. Sau khi phát hành, vốn điều lệ của VietinBank sẽ tăng từ 37.234 tỷ đồng lên 48.057 tỷ đồng..

Quý 1/2021, VietinBank có lãi trước thuế hơn 8.000 tỷ đồng, cao gấp 2,7 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Với mức này, VietinBank là á quân lợi nhuận quý 1/2021 trong hệ thống ngân hàng, chỉ đứng sau quán quân là Vietcombank (hơn 8.600 tỷ).

Tại ngày 31/3/2021, nợ xấu của ngân hàng ở mức 8.952 tỷ đồng, giảm 566 tỷ so với đầu năm (giảm 6%). Tỷ lệ nợ xấu cũng tiếp tục xuống thấp, từ mức 0,94% cuối năm 2020 giảm xuống 0,88% vào cuối tháng 3/2021.

Nguồn: NDH

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PVS	Mua	19/05/21	25.8	21.8	18.3%	31.3	43.6%	20.5	-6.0%	Xu hướng tăng mạnh
2	SSI	Mua	13/05/21	44.4	34.8	27.6%	52.2	50.0%	33.5	-3.7%	Xu hướng tăng mạnh

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	POW	Quan sát mua	01/06/21	11.75	13.5-13.9	Đang có tín hiệu chứng lại quanh vùng hỗ trợ 11.5, khả năng có thể tạo hai đáy và hồi phục trở lại -> cần nền tảng tốt > 12 để xác nhận nền Hammer hôm nay
2	C4G	Quan sát mua	01/06/21	9.8	11.2-11.6	Nhịp điều chỉnh về MA200 yếu dần + RSI phân kỳ + vol có dấu hiệu tăng dần trở lại -> khả năng có thể đang tạo đáy quanh vùng giá hiện tại
3	SCR	Quan sát mua	01/06/21	9.02	9.7-10 11.5-12	Nền điều chỉnh ko quá xấu với vol thấp -> có thể canh mua khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 8.5-8.7

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Nắm giữ	20/04/21	97.9	81.5	20.1%	108.5	33.1%	78.8	-3%	
2	VSC	Mua	28/04/21	51.7	49.9	3.6%	55	10.2%	47	-6%	
3	STB	Nắm giữ	05/05/21	33.8	24.1	40.2%	34.3	42%	22.9	-5%	
4	SSI	Mua	13/05/21	44.4	34.8	27.6%	52.2	50%	33.5	-4%	Nâng giá mục tiêu lên 52.2 ngàn
5	PVS	Mua	19/05/21	25.8	21.8	18.3%	31.3	44%	20.5	-6%	Nâng giá mục tiêu lên 31.3 ngàn

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	VHM	Mua	20/05/21	102.6	100.4	2.2%	110	10%	96.5	-4%
7	HDG	Mua	24/05/21	44.1	41.95	5.1%	47.6	13%	40.3	-4%
8	BVS	Nắm giữ	25/05/21	28.6	22.8	25.4%	30	32%	21.3	-7%
9	AGR	Mua	26/05/21	12.7	11.55	10.0%	13	13%	11	-5%

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 31/05/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	9,550	5.3%	270%	43,480	22	97,900	9,593	43	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	5,470	13.7%	265%	15,450	35	97,900	3,926	(1,544)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	4,250	5.5%	325%	9,490	114	33,800	862	(3,388)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	46,600	10.8%	718%	600	30	52,700	38,208	(8,392)	VND	HPG	26,000	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	9,090	14.3%	766%	22,270	114	52,700	2,221	(6,869)	KIS	HPG	46,888	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	30,900	9.2%	368%	16,180	35	52,700	16,835	(14,065)	ACBS	HPG	41,000	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	15,650	9.8%	301%	18,390	36	52,700	7,193	(8,457)	VND	HPG	42,000	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	10,220	15.0%	581%	21,880	35	52,700	3,633	(6,587)	MBS	HPG	44,800	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,990	10.5%	466%	60,610	70	52,700	7,248	(9,742)	HCM	HPG	42,000	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	14,500	16.0%	254%	24,290	88	52,700	2,267	(12,233)	MBS	HPG	50,200	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	6,980	11.7%	437%	45,070	73	52,700	19	(6,961)	KIS	HPG	59,368	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	7,000	14.9%	483%	53,460	73	52,700	18	(6,982)	KIS	HPG	59,456	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	4,090	-0.5%	156%	11,700	77	39,450	3,060	(1,030)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	3,300	1.5%	230%	6,900	114	39,450	1,277	(2,023)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,850	-5.7%	109%	23,150	74	39,450	4,243	(1,607)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	4,600	22,500	3.7%	389%	9,570	14	38,000	22,013	(487)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CMBB2101	1,600	7,250	-0.7%	353%	17,740	36	38,000	6,027	(1,223)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,700	-6.3%	208%	21,830	73	38,000	374	(3,326)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	3,710	0.3%	253%	2,060	114	110,100	598	(3,112)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	3,320	-7.0%	232%	4,300	114	110,100	244	(3,076)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	6,000	-14.3%	100%	15,210	74	110,100	3,747	(2,253)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	25,990	-7.2%	117%	290	30	138,500	21,335	(4,655)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	1,700	3,170	-9.4%	86%	21,910	10	138,500	3,056	(114)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	2,400	3,400	-7.6%	42%	2,470	36	138,500	2,175	(1,225)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	7,000	-11.3%	133%	7,090	63	138,500	3,790	(3,210)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	2,620	-12.4%	38%	6,290	35	138,500	1,027	(1,593)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	9,450	-0.5%	294%	1,980	(70)	138,500	(190)	(9,640)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,100	-10.9%	39%	19,260	88	138,500	1,115	(2,985)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	1,000	7,180	-1.2%	618%	11,920	11	134,600	7,138	(42)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	4,300	-7.3%	330%	4,760	114	134,600	3,615	(685)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,420	-2.6%	211%	11,770	119	134,600	561	(2,859)	KIS	NVL	128,399	16.0	27/09/2021
CPDR2101	1,100	3,750	-4.6%	241%	9,330	88	77,000	39	(3,711)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,200	-5.2%	282%	25,800	119	77,000	128	(4,072)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,900	-3.3%	71%	9,830	36	100,900	2,330	(570)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	5,550	-4.3%	178%	1,840	63	100,900	4,239	(1,311)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	4,700	-6.9%	62%	8,320	18	100,900	4,437	(263)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	3,410	-5.8%	48%	17,980	36	58,200	2,575	(835)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,350	-6.0%	114%	1,870	114	19,900	12	(2,338)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2010	1,100	10,700	9.5%	873%	61,060	11	33,800	10,904	204	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	21,500	11.1%	466%	18,930	14	33,800	21,810	310	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	8,400	8.8%	740%	5,270	114	33,800	5,974	(2,426)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	2,000	14,210	8.9%	611%	7,010	4	33,800	15,804	1,594	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	1,400	9,040	7.4%	546%	28,130	70	33,800	7,937	(1,103)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	13,500	5.5%	238%	18,800	88	33,800	11,018	(2,482)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	31,740	0.9%	488%	4,740	60	53,700	31,778	38	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	24,400	0.4%	388%	7,370	127	53,700	22,931	(1,469)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	9,060	0.6%	294%	27,180	36	53,700	8,888	(172)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	10,300	-0.9%	255%	11,980	70	53,700	9,173	(1,127)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,810	0.6%	291%	17,020	88	53,700	4,089	(3,721)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,400	-2.0%	50%	4,180	77	22,300	69	(2,331)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,940	-0.3%	194%	400	114	22,300	115	(2,825)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	2,600	-16.1%	-5%	17,090	74	22,300	50	(2,550)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTCH2103	1,200	2,000	-2.0%	67%	25,300	73	22,300	0	(2,000)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	1,400	1,530	-10.0%	9%	45,790	11	102,600	1,377	(153)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	3,510	-3.8%	219%	7,080	114	102,600	164	(3,346)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,560	-13.8%	35%	16,480	36	102,600	1,578	(982)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	1,650	1,000	-23.1%	-39%	15,440	4	102,600	962	(38)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	1,600	3,170	-9.7%	98%	21,550	70	102,600	572	(2,598)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	3,550	-11.3%	137%	9,280	74	102,600	227	(3,323)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,560	-7.5%	174%	12,390	73	102,600	3	(3,557)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	1,500	1,500	-18.9%	0%	22,490	11	117,500	1,070	(430)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	1,000	3,090	-11.7%	209%	15,510	114	117,500	80	(3,010)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	1,800	1,600	-28.9%	-11%	8,400	4	117,500	1,752	152	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVIC2103	1,100	2,170	-9.2%	97%	18,030	119	117,500	0	(2,170)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVJC2006	1,000	150	-37.5%	-85%	89,110	11	110,000	2	(148)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	160	-36.0%	-85%	77,370	11	90,500	0	(160)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	2,100	-7.9%	91%	1,980	114	90,500	0	(2,100)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	1,100	-16.0%	-35%	13,860	36	90,500	0	(1,100)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	440	-4.4%	-74%	7,520	18	90,500	(0)	(440)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	1,480	2,550	-17.7%	72%	12,900	105	90,500	18	(2,532)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,920	-5.0%	75%	25,350	119	90,500	0	(1,920)	KIS	VNM	119,399	20.0	27/09/2021
CVPB2015	5,600	43,130	0.7%	670%	1,670	60	69,200	43,292	162	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	15,700	0.6%	441%	6,770	36	69,200	16,139	439	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	2,800	15,700	-4.9%	461%	7,280	4	69,200	16,854	1,154	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	2,700	16,500	-0.1%	511%	16,700	70	69,200	16,425	(75)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,900	-1.1%	256%	13,290	88	69,200	6,818	(2,082)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2011	1,500	130	-45.8%	-91%	22,040	11	29,400	(0)	(130)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	6,200	-12.7%	24%	32,250	60	29,400	2,091	(4,109)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,200	-8.3%	83%	5,620	114	29,400	33	(2,167)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	1,680	-11.6%	-7%	12,300	36	29,400	50	(1,630)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,200	-9.1%	69%	4,080	70	29,400	31	(2,169)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,000	-8.3%	0%	19,700	74	29,400	8	(2,992)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">ANV</a>	(New) HOSE	24,000	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
<a href="#">VHC</a>	(New) HOSE	40,000	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
<a href="#">FMC</a>	(New) HOSE	32,800	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
<a href="#">MPC</a>	(New) UPCOM	35,400	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
<a href="#">IMP</a>	(New) HOSE	72,700	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
<a href="#">DHG</a>	(New) HOSE	94,100	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
<a href="#">FRT</a>	HOSE	24,900	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
<a href="#">DGW</a>	HOSE	121,000	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	100,900	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
<a href="#">MWG</a>	HOSE	138,500	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
<a href="#">SAB</a>	HOSE	155,500	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
<a href="#">MSN</a>	HOSE	110,100	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
<a href="#">VNM</a>	HOSE	90,500	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
<a href="#">TCM</a>	HOSE	86,000	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
<a href="#">STK</a>	HOSE	32,050	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
<a href="#">NVL</a>	HOSE	134,600	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
<a href="#">VGG</a>	UPCOM	43,000	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
<a href="#">NLG</a>	HOSE	39,000	39,000	12/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	8%	9.1	1.5	5%
<a href="#">KDH</a>	HOSE	39,450	39,000	12/05/2021	1,174	2,157	17,973	14%	8%	18.6	2.2	0%
<a href="#">VCB</a>	HOSE	98,600	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
<a href="#">ACB</a>	HOSE	41,400	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

<a href="#">TCB</a>		HOSE	53,700	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
<a href="#">GEG</a>		HOSE	15,300	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
<a href="#">BMP</a>		HOSE	58,100	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
<a href="#">CTD</a>		HOSE	62,000	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
<a href="#">HPG</a>		HOSE	52,700	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
<a href="#">FPT</a>		HOSE	97,900	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
<a href="#">VGS</a>		HNX	20,500	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
<a href="#">SMC</a>		HOSE	39,000	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
<a href="#">ACV</a>		UPCOM	66,800	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
<a href="#">REE</a>		HOSE	58,200	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
<a href="#">PLX</a>		HOSE	54,600	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
<a href="#">SBT</a>		HOSE	19,900	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
<a href="#">GVR</a>		HOSE	28,600	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
<a href="#">QNS</a>		UPCOM	39,200	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
<a href="#">VRE</a>		HOSE	29,400	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
<a href="#">GAS</a>		HOSE	82,600	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
<a href="#">MSH</a>		HOSE	52,000	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
<a href="#">GMD</a>		HOSE	37,050	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
<a href="#">TNG</a>		HOSE	19,200	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
<a href="#">GIL</a>		HOSE	55,900	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
<a href="#">BSR</a>		UPCOM	17,200	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
<a href="#">GTN</a>		HOSE	16,850	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
<a href="#">VHM</a>		HOSE	102,600	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
<a href="#">LHG</a>		HOSE	42,350	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
<a href="#">PHR</a>		HOSE	54,400	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
<a href="#">CTR</a>		UPCOM	88,500	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
<a href="#">POW</a>		HOSE	11,750	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.